

DẠY ÂM/VẦN MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3 TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC SONG NGỮ TRÊN CƠ SỞ TIẾNG MẸ ĐỂ

TS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Chương trình Nghiên cứu thực hành giáo dục (GD) song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ (TMĐ) thuộc Dự án GD tiểu học Bạn hữu trẻ em - chương trình hợp tác giữa Bộ Giáo dục & Đào tạo và Unicef giai đoạn 2006 - 2010 được thực hiện tại ba tỉnh Trà Vinh, Gia Lai và Lào Cai cho học sinh (HS) của ba nhóm dân tộc thiểu số (DTTS) Khmer, Jrai và Mông. Chương trình nghiên cứu thử nghiệm được khởi động từ 2006 và kết thúc vào 2014. Chương trình được thiết kế liên thông từ mẫu giáo (MG) 5 tuổi đến hết lớp 5 cấp tiểu học.

- Ở MG 5 tuổi: TMĐ được dùng làm ngôn ngữ giảng dạy. Tiếng Việt được dạy với hai kĩ năng nghe, nói.

- Ở tiểu học: TMĐ và tiếng Việt được dạy như một môn học từ lớp 1 đến hết lớp 5.

Lớp 1, 2: TMĐ được sử dụng làm ngôn ngữ giảng dạy. Tiếng Việt được dạy với tư cách ngôn ngữ thứ hai với hai kĩ năng nghe, nói, nhưng đến lớp 2, HS được làm quen với bảng chữ cái và các tổ hợp chữ cái ghi âm tiếng Việt, đọc và đánh vần được các tiếng có vần là một nguyên âm.

Lớp 3, HS học cả bốn kĩ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Việt. Ngôn ngữ giảng dạy gồm cả TMĐ và tiếng Việt. Việc dùng cả hai ngôn ngữ trong giảng dạy sẽ được thực hiện đến hết lớp 5. Tuy nhiên, mức độ sử dụng tiếng Việt trong các giờ học tùy thuộc vào khả năng tiếng Việt hiện có của HS.

Hết lớp 5, HS sẽ sử dụng thành thạo cả hai thứ tiếng (TMĐ và tiếng Việt), đạt chuẩn kiến thức kĩ năng như chương trình quốc gia và đủ điều kiện vào học lớp 6 như những HS dân tộc Kinh trên địa bàn.

Xét từ lí thuyết dạy và học tiếng, chương trình song ngữ phù hợp với đối tượng HS dân tộc. Ngôn ngữ là công cụ phát triển tư duy và là phương tiện vật chất để biểu đạt tư duy. Nhưng để trở thành công cụ tư duy, học tập, trẻ cần có kĩ năng sử dụng ngôn ngữ một cách thành thạo. Ngôn ngữ tốt nhất để trẻ DTTS sử dụng làm công cụ tư duy và học tập là TMĐ của các em. Trẻ cần được học trong nhà trường để bổ sung, hoàn thiện kĩ năng nghe - nói và phát triển kĩ năng đọc - viết TMĐ của mình. Theo các chuyên gia ngôn ngữ thì trẻ em cần từ 5 - 7 năm học bằng TMĐ trước khi học bằng ngôn ngữ thứ hai. Các nhà nghiên cứu về phương pháp giảng dạy cho rằng: Khi trẻ em đã phát triển tốt vốn TMĐ, có thể tiếp thu được những khái niệm trừu tượng của chương

trình, thì việc học ngôn ngữ thứ hai sẽ dễ và nhanh hơn. Sự chuyển di tích cực từ ngôn ngữ thứ nhất thể hiện rất rõ trong các kĩ năng đọc, viết, nghe, nói (các kĩ năng giao tiếp).

Kết quả của một số nghiên cứu ở Bắc Mỹ cho thấy trẻ được học TMĐ trong nhà trường có trình độ ngôn ngữ thứ hai tốt hơn và kết quả học tập các môn học khác cao hơn kết quả của trẻ học chỉ học hoàn toàn bằng ngôn ngữ thứ hai. Mức độ/chất lượng chuyển di trong quá trình học ngôn ngữ thứ hai còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố: (i) phương pháp giảng dạy của giáo viên (GV), (ii) sự khác biệt của mỗi cá nhân/HS về kĩ năng phân tích ngôn ngữ, (iii) mối quan hệ gần hay xa giữa ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai (ví dụ: ngôn ngữ Khmer và ngôn ngữ Việt, hệ thống chữ viết và nguyên tắc chính tả khác nhau. Tiếng Việt là ngôn ngữ có thanh điệu, tiếng Khmer không có thanh điệu nhưng cả hai đều là ngôn ngữ ghi âm và hệ thống ngữ pháp có nhiều điểm gần gũi: kiến thức và cấu trúc viết, các phép tu từ, ... những kĩ năng vận động và cảm nhận, học theo thị giác - giác quan và nhiều kĩ năng tiếp cận từ ngôn ngữ thứ nhất sang ngôn ngữ thứ hai trong việc học đọc). Những phân tích ở trên có nghĩa là:

- Những gì chung trong hai ngôn ngữ chỉ cần dạy một lần và tốt nhất là dạy bằng ngôn ngữ thứ nhất;

- Những trẻ có thể đọc viết bằng ngôn ngữ thứ nhất, vẫn cần được dạy về sự khác nhau giữa hai ngôn ngữ.

Từ cơ sở khoa học về GD song ngữ, kinh nghiệm và việc triển khai thành công của các nước, cho thấy: Khi trẻ có một nền tảng vững chắc về TMĐ (ngôn ngữ thứ nhất), chuyển sang học ngôn ngữ thứ hai sẽ rất thuận lợi (quá trình chuyển di ngôn ngữ).

Trong sách giáo khoa (SGK) Tiếng Việt 3, chương trình song ngữ được biên soạn theo quan điểm dạy giao tiếp. Quan điểm này được thể hiện ở cả nội dung và phương pháp dạy học. Về nội dung dạy học, HS học đọc, viết tiếng Việt, tiếp tục rèn luyện các kĩ năng giao tiếp như đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi, nhận xét về đặc điểm sự vật, hoạt động... Về phương pháp dạy học, kĩ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Việt của HS được hình thành và rèn luyện chủ yếu qua con đường thực hành.

SGK Tiếng Việt 3 còn được biên soạn theo quan điểm tích hợp. Tính tích hợp được thể hiện trước hết ở hệ thống chủ điểm của bộ sách với phần *Ôn tập tổng*



hợp. Nội dung các chủ điểm có sự liên thông với các môn học có những nội dung dạy học gắn gũi với môn Tiếng Việt. Theo từng chủ điểm, HS được mở rộng vốn từ, thực hành sử dụng các mẫu câu trong giao tiếp, đồng thời mở mang hiểu biết về các lĩnh vực của đời sống.

Môn Tiếng Việt ở lớp 3, HS chủ yếu luyện hai kĩ năng đọc và viết. Tuy nhiên, do đặc điểm môn học là ngôn ngữ thứ hai nên trong từng bài học, kĩ năng nghe - nói vẫn được chú trọng rèn luyện: trong việc quan sát, mô tả nội dung tranh minh họa nghĩa của từ khóa, câu ứng dụng (sử dụng nghi thức giao tiếp, hỏi và trả lời câu hỏi, kể chuyện, miêu tả...); tranh để HS tập viết từ, câu ngắn dưới tranh;...

Việc dạy học tiếng Việt chỉ có thể đạt kết quả khi GV tạo được hứng thú học tập ở HS và tổ chức cho HS thực hành các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Việt thường xuyên, liên tục trong và ngoài lớp học.

Trong SGK Tiếng Việt 1,2, để dạy HS nghe - nói tiếng Việt, kênh hình được coi là phương tiện quan trọng giúp HS hiểu nghĩa của từ ngữ và hiểu cách sử dụng từ, câu tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp. SGK Tiếng Việt 3 chú trọng dạy đọc - viết nên bên cạnh kênh hình thì kênh chữ giữ vai trò hết sức quan trọng. Ở phần âm vần, tiếng khóa trong mỗi bài được mô hình hóa giúp HS dễ nhớ và thuộc cấu tạo của tiếng. Hệ thống tranh ảnh minh họa trong SGK gắn gũi với cuộc sống của trẻ giúp GV có căn cứ để hướng dẫn HS khai thác nội dung và thực hành nghe - nói, hỏi - đáp, kể - tả... theo tranh.

HS song ngữ học đọc, viết tiếng Việt từ lớp 3, khi các em đã đọc viết khá thành thạo TMD. Vì vậy, toàn bộ phần âm vần được thiết kế gọn trong học kì 1 gồm 16 tuần với cấu trúc như sau:

- Từ tuần 1 đến tuần 3: HS học 29 chữ cái, các tổ hợp chữ cái ghi âm, thanh điệu;

- Từ tuần 4 đến tuần 16 HS học toàn bộ phần vần;

- Tuần 17 là phần Ôn tập tổng hợp.

Mỗi tuần gồm 8 tiết tương ứng với 1 bài lớn được chia thành 4 cụm thời gian: 2 + 2 + 2 + 2 để dạy trong 4 ngày học (Ví dụ: Tuần 1 gồm các bài: 1a, 1b, 1c, 1d) để GV và HS dễ nhận biết mình đang học ở tuần thứ bao nhiêu của năm học. Bài thứ 4 hàng tuần (1d, 2d, 3d,...) là bài Ôn tập (phân hóa theo đối tượng cho 3 nhóm HS Mông, Jrai, Khmer). Bài ôn tập gồm ba nội dung: i) ôn tập lại những kiến thức và kĩ năng đã học trong tuần và phát triển vốn từ; ii) kể chuyện; iii) bài tập bổ trợ cho HS.

Năm chủ điểm: *Em và bạn bè, Gia đình, Trường học, Làng bản, Thế giới quanh em* chủ yếu dùng để tìm câu chuyện phục vụ hoạt động nghe nói trong mỗi tuần.

Cấu trúc bài học âm/vần

(1) Âm/vần mới:

- + Tranh minh họa nghĩa của từ khóa;

- + Từ khóa;

- + Mô hình phân tích cấu tạo tiếng khóa (thực hiện đến hết tuần 8).

(2) Từ ứng dụng: Mỗi bài khoảng 4 - 6 từ ứng dụng chứa vần mới học. Từ ứng dụng gồm các loại từ: danh từ, động từ, tính từ.

(3) Câu/ bài đọc ứng dụng:

- + Tranh minh họa nghĩa câu/ bài đọc ứng dụng;

- + Câu/ bài đọc ứng dụng.

(4) Luyện viết: HS luyện viết các vần/từ khóa trong bài. Với HS Mông, Jrai có thể tập viết từ; viết lời thích hợp với tranh; sắp xếp các từ thành câu ngắn,...

Cấu trúc bài ôn tập:

Mỗi tuần có 1 bài ôn tập (bài d) gồm:

(1) Bảng ôn luyện các âm/vần đã học dùng để luyện đọc âm/vần và ghép các âm/vần, dấu thanh thành từ nhằm phát triển vốn từ cho HS;

(2) Từ ứng dụng: HS ghép âm/vần trong bảng ôn để tạo thành từ (chủ yếu từ đơn). Từ ứng dụng bổ sung những từ ghép có 2 âm tiết chứa các âm, vần đã học để làm phong phú hóa vốn từ cho HS;

(3) Câu/bài đọc ứng dụng:

- + Tranh minh họa nghĩa câu/ bài đọc ứng dụng

- + Câu/ bài đọc ứng dụng;

(4) Kể chuyện

Kể chuyện (có tranh minh họa). Mỗi câu chuyện, HS được học từ 1 - 2 tuần. Các câu chuyện được biên tập thật ngắn gọn chỉ khoảng 3 - 4 chi tiết, từ ngữ ngắn gọn, giản dị, gần gũi, giúp HS dễ hiểu, dễ nhớ. Trong mỗi câu chuyện thường có ít nhất 1 mẫu câu lặp đi lặp lại từ 2 - 3 lần để củng cố mẫu câu cho HS và giúp các em dễ nhớ, dễ thuộc truyện.

Về phần tập viết, môn Tiếng Việt lớp 3 song ngữ có vở tập viết và hoạt động tập viết được thực hiện ngay trong giờ học vần. Yêu cầu này với HS Khmer hơi khó vì tiếng Khmer không cùng hệ chữ Latin với tiếng Việt nhưng qua thực tế dạy học thử nghiệm năm đầu cho thấy, HS Khmer viết tiếng Việt rất nhanh và dễ. Cả GV và HS đều nhận xét chữ tiếng Việt dễ viết hơn chữ Khmer.

Khi học đọc - viết tiếng Việt, HS song ngữ đã chuyển di những kiến thức và kĩ năng đã học ở lớp 1, 2, những kĩ năng học tập từ TMD sang học tiếng Việt. Tuy nhiên, với HS Mông và Jrai, vì cùng hệ chữ Latin nên HS sẽ tận dụng được rất nhiều những kiến thức và kĩ năng đã học từ TMD.

Trong tài liệu *Hướng dẫn giáo viên*, nhóm tác giả đã kiểm soát tới từng bài cụ thể theo nguyên tắc: những âm/vần tiếng Việt giống hoàn toàn TMD; những âm/vần tiếng Việt đọc giống, viết khác TMD, những âm/vần tiếng Việt đọc khác, viết giống TMD và những âm/vần



tiếng Việt khác hoàn toàn. Kiểm soát những nội dung này sẽ giúp GV tận dụng triệt để chuyển di tích cực và hạn chế chuyển di tiêu cực từ TMD của HS, giúp HS học tiếng Việt thuận lợi hơn, nhẹ nhàng hơn.

Ví dụ: với phần chữ cái tiếng Mông:

+ Những âm của tiếng Việt giống hoàn toàn tiếng Mông: o, ô, ê, a, u, ư, i, đ, b, c, l, h, n, m, t, s, x, v, ng, kh, nh, ph, th, tr;

+ Những âm của tiếng Việt viết giống nhưng đọc khác tiếng Mông: g, k, r, y, ch;

+ Những âm của tiếng Việt đọc giống nhưng viết khác tiếng Mông: gi;

+ Những âm/vần của tiếng Việt khác hoàn toàn tiếng Mông: e, ơ, d, g, ngh, qu.

Với tiếng Jrai:

+ Những âm của tiếng Việt giống hoàn toàn tiếng Jrai: o, ô, ơ, a, e, ê, u, ư, i, đ, l, h, g, n, m, t, s, r, x, v, ch, ng, ngh, kh, nh, ph, th, tr, gi, gh;

+ Những âm của tiếng Việt viết giống nhưng đọc khác tiếng Jrai: b, d, y, k;

+ Những âm của tiếng Việt đọc giống nhưng viết khác tiếng Jrai: gi;

+ Những âm của tiếng Việt khác hoàn toàn tiếng Jrai: c, qu.

Cụ thể: Bài 1A: âm o, ô, ơ, c.

Các âm o, ô, ơ, c đều có trong tiếng Mông nhưng âm ơ không đứng độc lập mà chỉ đứng trong vần là ơ. GV cần giới thiệu âm ơ và dạy kĩ âm ơ cho HS. Âm o, ô, ơ viết giống chữ Mông nhưng phát âm ngắn hơn tiếng Mông, âm "cờ" phát âm dài hơn tiếng Mông.

Trong tiếng Jrai, âm "cờ" được viết là k còn chữ c để ghi âm ch. GV cần giới thiệu âm c và dạy kĩ âm "cờ" cho HS.

Bài 8C: ang, eng, ăng, âng

Vần ang, eng, ăng đều viết giống tiếng Mông nhưng đọc ngắn hơn tiếng Mông. Vần ăng không có trong tiếng Mông nên GV phải dạy kĩ.

Vần ang, eng, ăng có trong tiếng Jrai, vần ăng không có trong tiếng Jrai nên GV phải dạy kĩ.

HS Khmer do hệ chữ khác tiếng Việt nên vất vả hơn so với HS Mông và Jrai. Tuy nhiên, các em cũng có thuận lợi vì đã có các kĩ năng học tập: kĩ năng cầm bút và các thao tác viết chữ; những kinh nghiệm học một ngôn ngữ từ TMD: kĩ năng quan sát tranh, kĩ năng đánh vần, đọc tiếng khóa, từ khóa, câu/bài đọc ứng dụng,...

Nguyên tắc số một của việc học ngôn ngữ thứ hai là trẻ phải hiểu nghĩa của các từ và câu trong bài học. Vì vậy, môn Tiếng Việt sử dụng hai phương pháp giúp HS hiểu nghĩa từ là phương pháp sử dụng TMD và phương pháp hỏi - đáp trực quan hành động. Trong bài học vần, các từ ứng dụng không vẽ tranh minh họa. Với những

từ có nghĩa cụ thể, GV sử dụng phương pháp trực quan hành động giúp HS hiểu nghĩa; Với những từ có nghĩa trừu tượng, các khái niệm, thuật ngữ môn học cần sử dụng TMD giúp HS hiểu nghĩa bằng cách: (i) tìm được từ trong TMD của HS có nghĩa tương đương; (ii) dùng TMD của HS để giải thích nghĩa các từ ngữ.

Qua một năm thực hiện với lứa HS thứ nhất (năm học 2011 - 2012), các GV trực tiếp giảng dạy môn Tiếng Việt lớp 3 có những nhận xét rất trùng khớp:

- Đầu năm, khi tập huấn môn học, thấy toàn bộ phần học vần tiếng Việt được thiết kế trong một học kì. Mỗi bài học khá nhiều âm, vần, GV có cảm giác hết sức lo lắng vì sợ HS không thể học được. Nhưng thực tế đã nhanh chóng cho các GV câu trả lời. Với đối tượng HS lớp 3, đã đọc thông viết thạo TMD, các em bắt rất nhanh với yêu cầu học vần của tiếng Việt. HS Mông và Jrai học phần âm, vần rất nhanh, viết chữ đẹp, phát âm tiếng Việt khá tốt, hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu. HS Khmer một vài tuần đầu quả thật tương đối vất vả vì hệ chữ của tiếng Việt khác với tiếng Khmer nhưng các em cũng nhanh chóng bắt vào và theo kịp yêu cầu bài học vì thực sự so với chữ Khmer thì chữ tiếng Việt dễ viết và dễ thuộc hơn.

Nhóm nghiên cứu xin mô tả tiến trình và nội dung bài học vần 3b: *ph, nh, g, gh* do thầy giáo Châu A Tầu, GV dạy lớp 3 song ngữ (lứa thứ 2) trường Tiểu học Lao Chải huyện Sapa thực hiện ngày 14/9/2012 để làm ví dụ minh họa cụ thể.

Hoạt động 1: Đọc âm mới

GV viết bốn âm *ph, nh, g, gh* lên phần ghi đầu bài của bảng đen sau đó gọi HS đọc. Có em đọc bằng tiếng Mông, có em đọc được bằng tiếng Việt (thực chất HS đã được làm quen với các âm này từ lớp 2). GV chấp nhận tất cả các kết quả đọc của HS, nhưng xác định rõ HS đang là giờ học tiếng Việt nên các âm này là âm tiếng Việt, sau đó đọc mẫu lại và cho nhiều HS trong lớp đọc.

GV lưu ý về âm "gờ" theo hướng dẫn trong sách GV:

Trong tiếng Mông không có âm *gh*. GV hướng dẫn kĩ cho HS âm *gh*. Âm *g* trong tiếng Việt viết giống tiếng Mông nhưng đọc khác. Tiếng Mông đọc là "gờ", tiếng Việt đọc là "gờ". Âm *ph, nh* viết giống tiếng Mông, nhưng đọc dài hơn tiếng Mông.

Trong tiếng Việt, âm "gờ" được ghi bằng *g* và *gh*. Có thể gọi là "gờ đơn, gờ kép" để dễ phân biệt.

Hoạt động 2: Đọc từ khóa

- Bài đọc có bốn từ khóa và bốn bức tranh minh họa nghĩa của các từ. Sách GV đã hướng dẫn thao tác quan sát tranh khá kĩ: *cho HS quan sát tranh để trả lời câu hỏi: Tranh vẽ gì? khuyến khích để HS nói thật thoải mái những điều các em đã biết. Tranh 1, các em có thể sẽ nói là*



đường phố, nhà cao tầng... cũng không sao. GV có thể hỏi thêm câu hỏi gợi ý: tại sao em biết ...?. Nếu HS không nói được hãy chỉ cho HS thấy phố gồm có các nhà cao tầng, xe cộ, đường xá...;

- GV cho HS quan sát và nói nội dung cả bốn bức tranh. Thực tế, ba bức tranh nhà, gà, ghế, HS gọi được tên một cách nhanh chóng, còn bức tranh minh họa nghĩa cho từ phố, các em chỉ nói theo lối mô tả nội dung như: tranh vẽ nhà, xe ô tô, xe máy và người đi trên đường. GV có đặt câu hỏi khai thác thêm: các ngôi nhà trong bức tranh thế nào? HS trả lời: nhà to, cao, nhà tầng. GV giới thiệu tên bức tranh đó là phố;

- GV yêu cầu HS tự đánh vần và đọc các từ khóa vì các em đã được học đánh vần và đọc các tiếng là một âm tiết mở ở lớp 2. Kết quả hầu hết HS trong lớp đã đọc được. GV tỏ ra hài lòng, tuy nhiên, vẫn đánh vần và đọc mẫu lại từng từ: phố, nhà, gà, ghế, sau đó cho HS đọc từ trên bảng lớp, trên thẻ bia.

Ở hoạt động 1, GV đã lưu ý HS về âm "gờ" với hai chữ viết khác nhau. Sau khi HS đọc được từ khóa, GV tiếp tục chỉ cho HS thấy tiếng gà và ghế để các em nhận thấy hai tiếng được viết bằng hai chữ "gờ" khác nhau.

Hoạt động 3: Đọc từ ngữ ứng dụng

- HS hoạt động theo nhóm: nhận diện các chữ cái vừa học có trong từ ứng dụng, đánh vần và đọc từng từ. Quan sát thực tế cũng cho thấy, HS hoàn toàn có thể đánh vần và đọc được các từ ứng dụng. Rất nhiều HS đọc trơn luôn từ;

- GV đọc mẫu từng từ ứng dụng trên bảng lớp: phố, phà, nho, nhà ga, gỗ, ghế rồi gọi nhiều HS đọc. Lỗi HS Mong hay mắc là đọc không có dấu thanh hoặc sai dấu thanh hỏi ở từ phố, dấu thanh ngã ở từ gỗ, không rõ hoặc lẫn dấu thanh huyền ở từ gỗ ghế;

- GV sử dụng tranh để giải nghĩa từ phà, nhà ga; sử dụng TMD để giải nghĩa từ phố, gỗ ghế.

Hoạt động 4: Đọc câu ứng dụng

- HS làm việc theo nhóm: quan sát và nói nội dung tranh, nhận diện chữ cái vừa học có trong câu ứng dụng và tập đọc câu ứng dụng. Hầu hết HS đều nói mẹ dắt bạn gái đi trên đường hoặc mẹ và bạn gái đi chơi. Sau khi đọc câu ứng dụng, các em hiểu nghĩa của câu và quan sát lại tranh. Hoạt động này bổ sung thêm dấu hiệu của phố như: có đường phố, hè phố, nhà cao tầng,... cho những HS chưa một lần ra phố;

- GV đọc câu ứng dụng trên bảng lớp: mẹ và bé ra phố và nhiều HS đọc.

Hoạt động 5: Trò chơi thư giãn

HS chơi theo nhóm: Úp một số thẻ chữ trong đó có các âm mới học: ph, nh, g, gh xuống mặt bàn, mỗi HS nhặt một thẻ, đọc thầm chữ cái trong thẻ và tìm một tiếng bất kì có chứa chữ đó. Hoạt động này hơi khó

nhưng HS đã chơi rất vui vẻ.

Hoạt động 6: HS làm bài tập

HS ghép các âm trong bảng thành từ và viết vào vở.

GV hướng dẫn HS cách làm, làm mẫu khoảng hai từ sau đó để HS làm việc cá nhân. Nhiều HS đọc lại các từ đã viết trước lớp. Ví dụ: pho, phò, phó, phở, phở, pho. Thực tế cho thấy, khi đọc các từ nằm trong một chuỗi các dấu thanh, HS có ý thức đọc đúng các dấu thanh rõ nét hơn rất nhiều.

Là HS lớp 3 nên các em viết được khá nhiều từ. Tuy nhiên, trong bài tập này không tránh khỏi việc có tiếng không có nghĩa nhưng vì mục đích luyện đọc với sáu dấu thanh nên có thể chấp nhận. Nhưng với âm gh, GV cần cho HS nhớ và thuộc gần như là một quy tắc: ba âm e, ê, i không ghép được với âm g mà chỉ ghép được với âm gh.

Hoạt động 7: Viết chữ

HS viết các chữ phố, nhà, gà, ghế, Mẹ và bé ra phố.

- Việc hướng dẫn viết chữ mẫu của GV trong giờ học vần Tiếng Việt 3 song ngữ không giống như hướng dẫn viết cho HS lớp 1 đại trà vì khoảng cách, độ cao các con chữ HS đã biết ở TMD. HS lớp 3 cũng đã có kĩ năng trình bày bảng con. GV yêu cầu HS viết cỡ chữ vừa để viết đủ cả bốn từ khóa: phố, nhà, gà, ghế vào bảng con. HS viết nhanh, khá đẹp, nét chữ rần ròi;

- HS tiếp tục viết vào vở tập viết các từ khóa: phố, nhà, gà, ghế; và câu ứng dụng: Mẹ và bé ra phố. Quan sát thấy HS viết nhanh và đẹp.

Số lượng hoạt động trong hai tiết học không phải ít nhưng nhóm nghiên cứu nhận thấy HS học khá thoải mái, yêu cầu của bài học vừa sức với các em, không quá dễ khiến HS nhàm chán cũng không quá khó khiến các em phải chật vật.

Lứa HS thứ nhất của chương trình song ngữ đã học lớp 4. Qua đợt thực tế đầu năm học ở cả ba tỉnh, nhóm nghiên cứu nhận thấy, khả năng đọc viết tiếng Việt của nhóm HS lớp 4 khá tốt. Các em đọc lưu loát, trôi chảy, biết ngắt nghỉ theo dấu câu; hiểu nghĩa từ, hiểu nội dung bài đọc. Với tốc độ học của HS như hiện tại, chắc chắn đến hết lớp 5, HS sẽ đạt chuẩn kiến thức kĩ năng của chương trình và đủ khả năng theo học lớp 6 như HS dân tộc Kinh trên địa bàn.

SUMMARY

The article has discussed the teaching of sounds/syllables in Vietnamese subject for grade 3 in mother-tongue based bilingual education program. The presentation is based on the cooperation program between Ministry of Education and Training and UNICEF in the period 2006 - 2010 implemented in 3 provinces, i.e. Tra Vinh, Gia Lai and Lao Cai for students in three ethnic minority groups Khmer, Jrai and Mong.